

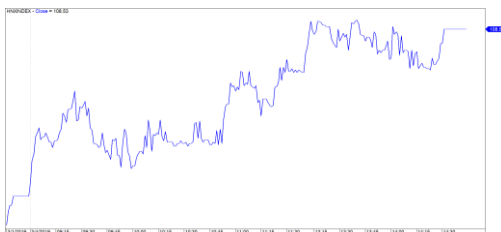
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	993.99	108.53	56.04
% ngày	1.47%	1.18%	0.65%
% tuần	-0.04%	0.85%	0.81%
% tháng	9.39%	5.02%	2.24%
% năm	-11.35%	-15.38%	-6.86%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,908	696	305
TB 1 tuần	4,743	736	337
TB 1 tháng	4,389	546	324
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	642.86	17.99	24.94
Bán	778.92	20.09	12.81
Giá trị ròng	-136.06	-2.10	12.13
Độ rộng TT			
Mã Tăng	229	102	157
Mã Giảm	94	51	90
Không Đổi	59	228	608
Chỉ số chính			
P/E	16.65	9.88	17.07
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,215	201	982
LS Cổ tức	2.93%	4.03%	4.72%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á có những diễn biến trái chiều tại các thị trường, trong khi Taiwan, Hàn Quốc, Thái Lan lại chìm trong sắc đỏ, bên cạnh đó có nhiều thị trường tăng khá tốt như chỉ số Shanghai của Trung Quốc tăng thêm 1.12%, chỉ số Nikkei của Nhật Bản tăng hơn 1% và thị trường Việt Nam cũng đi cùng xu hướng tích cực chung của các chỉ số.

Duy trì đà tăng tích cực từ phiên thứ 6 tuần trước, cả thị trường hôm nay bứt phá tăng điểm rất ấn tượng. Với gần 6000 tỷ rót vào thị trường, cả 3 sàn được bao trùm bởi sắc xanh nhờ sức kéo của các cổ phiếu có giá trị vốn hoá lớn. Cụ thể, chỉ số VN-Index dẫn đầu tăng gần 1.5% điểm lên 994 điểm, thanh khoản gần 5,000 tỷ đồng.

Sự tăng điểm mạnh của chỉ số VN-Index đến từ sức kéo của nhóm Midcaps và Smallcaps như D2D, DMC, GMC, APC và TIX. Ngoài ra khối Largecaps (chủ yếu là PNJ, VIC, VHM, VNM) cũng góp phần kéo chỉ số lên đáng kể. Chỉ số HNX cũng tăng điểm khá ấn tượng với hơn 695 tỷ đồng đổ vào thị trường làm chỉ số HNX-Index lên 108.53 điểm (tăng 1.18%). Sắc xanh của HNX đến từ ACB, PVS, VGC, PVI, DGC...

Quay trở lại với diễn biến của nhà đầu tư nước ngoài, hoạt động bán ròng được ghi nhận trên sàn HSX, nhưng với sàn HNX thì nhà đầu tư nước ngoài lại mua ròng. Cụ thể hơn, nhà đầu tư nước ngoài bán hơn 1.42 triệu CP tương ứng 136 tỷ với các mã lớn như VNM, VJC, MSN, VHM và CTD. Nhìn chung, hoạt động này của khối nhà đầu tư nước ngoài ảnh hưởng đáng kể đến thị trường trong nước.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể tiếp tục hồi phục quán tính và kiểm định lại mức 1,000 điểm trong phiên giao dịch kế tiếp. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật và phân hóa. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là dòng tiền tiếp tục được cải thiện và vẫn chưa có dấu hiệu rút ra khỏi thị trường. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân tăng dần, nhưng đây vẫn là mức chúng tôi thận trọng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức kháng cự ở mức 999.54 điểm và mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 105.28 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên nắm giữ tỷ trọng hiện tại và có thể xem xét mua mới ở các cổ phiếu đã xác nhận xu hướng tăng trở lại (xem thêm bảng theo dõi xu hướng).

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 65% cổ phiếu/35% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,450	TĂNG	GIẢM	15,400	14,868	6.82%			16,605		
ACB	30,400	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	0.66%			33,291		
ACV	88,900	TĂNG	TĂNG	88,300	86,517	0.68%		90,000	78,184	-1.22%	
ANV	29,050	TĂNG	GIẢM	27,200	27,471	6.80%			31,024		
ASM	8,300	GIẢM	GIẢM		8,614				9,351		
BFC	21,700	GIẢM	GIẢM		22,465				25,187		
BID	33,600	GIẢM	TĂNG		34,446			33,400	29,888	0.60%	
BMP	53,100	TĂNG	GIẢM	50,800	50,447	4.53%			54,542		
BSR	14,100	TĂNG	GIẢM	13,100	13,581	7.63%			15,250		
BVH	96,500	TĂNG	TĂNG	94,400	92,411	2.22%		86,000	88,082	12.21%	
BWE	25,400	GIẢM	TĂNG		25,537			20,000	22,133	27.00%	
CEO	14,300	TĂNG	GIẢM	13,500	13,076	5.93%			14,755		
CHP	23,100	TĂNG	TĂNG	21,450	22,318	7.69%		23,000	20,825	0.43%	
CII	23,300	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	-5.09%			25,832		
CMX	16,000	GIẢM	TĂNG		17,238			5,910	13,022	170.73%	
CSM	14,850	GIẢM	TĂNG		15,214			14,390	13,911	3.19%	
CTD	134,200	GIẢM	GIẢM		139,810				152,745		
CTG	21,200	TĂNG	GIẢM	19,550	20,277	8.44%			22,209		
CTI	25,900	TĂNG	TĂNG	25,900	25,837	0.00%	MUA	26,850	23,186	-3.54%	
CVT	23,600	TĂNG	TĂNG	19,900	22,197	18.59%		22,550	19,525	4.66%	
DCM	9,230	TĂNG	GIẢM	9,200	8,877	0.33%			9,978		
DGC	44,400	TĂNG	GIẢM	44,000	41,659	0.91%			47,020		
DGW	23,200	TĂNG	GIẢM	23,300	23,125	-0.43%			25,127		
DHA	34,400	TĂNG	TĂNG	32,250	31,984	6.67%		29,100	28,741	18.21%	
DHC	34,200	TĂNG	GIẢM	32,700	32,821	4.59%		35,200	34,601	-1.70%	MUA
DHG	119,000	TĂNG	TĂNG	77,500	110,379	53.55%		93,000	85,322	27.96%	
DIG	17,150	TĂNG	TĂNG	16,000	15,589	7.19%			16,496		
DPG	47,100	TĂNG	GIẢM	46,800	44,254	0.64%			52,441		
DPM	20,450	GIẢM	TĂNG		21,693			19,400	19,804	5.41%	
DPR	40,800	TĂNG	TĂNG	32,600	38,448	25.15%		35,950	35,774	13.49%	
DQC	27,200	TĂNG	TĂNG	27,700	25,803	-1.81%		31,000	26,186	-12.26%	
DRC	22,800	TĂNG	GIẢM	22,200	21,363	2.70%			24,379		
DXG	26,050	TĂNG	GIẢM	24,700	23,916	5.47%			26,665		
EIB	17,800	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	0.00%		14,700	16,280	21.09%	
FCN	15,350	TĂNG	GIẢM	13,900	13,996	10.43%			15,658		
FMC	29,300	GIẢM	TĂNG		31,008			24,700	27,888	18.62%	
FPT	45,000	GIẢM	GIẢM		45,823				45,324		
GAS	103,000	TĂNG	TĂNG	89,900	95,864	14.57%			100,384		
GEX	24,300	TĂNG	GIẢM	22,600	24,138	7.52%		24,700	24,673	-0.11%	MUA
GIL	40,200	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	3.08%	

We Create Fortune

GMD	28,100	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	2.18%		29,123		
GTN	15,000	TĂNG	TĂNG	10,400	13,570	44.23%		15,000	11,796	0.00% MUA
HAG	6,040	TĂNG	TĂNG	5,080	5,379	18.90%		5,650	5,603	6.90% MUA
HAX	17,100	TĂNG	GIẢM	17,200	16,310	-0.58%			17,965	
HBC	20,400	TĂNG	TĂNG	16,800	18,707	21.43%		20,250	19,374	0.74% MUA
HCM	29,500	GIẢM	TĂNG		31,441			28,000	22,523	5.36%
HDB	30,400	TĂNG	GIẢM	31,000	29,573	-1.94%			33,267	
HDC	14,350	GIẢM	GIẢM		14,618				14,709	
HDG	40,700	TĂNG	TĂNG	35,950	37,556	13.21%		37,400	32,495	8.82%
HNG	15,750	TĂNG	GIẢM	15,100	14,971	4.30%			16,554	
HPG	35,350	TĂNG	TĂNG	29,500	32,821	19.83%		33,900	27,792	4.28%
HSG	9,950	TĂNG	TĂNG	6,860	8,298	45.04%		9,300	8,479	6.99% MUA
HT1	16,300	TĂNG	TĂNG	14,150	15,179	15.19%		14,800	13,681	10.14%
HUT	3,800	TĂNG	GIẢM	3,800	3,753	0.00%	MUA		4,302	
HVN	42,900	TĂNG	TĂNG	42,900	40,638	0.00%	MUA	39,000	34,635	10.00%
KBC	14,900	TĂNG	TĂNG	14,250	14,191	4.56%		13,450	13,032	10.78%
KDH	32,000	TĂNG	TĂNG	31,200	30,390	2.56%		33,000	28,037	-3.03%
KSB	28,700	TĂNG	TĂNG	26,300	26,905	9.13%		28,900	27,640	-0.69% MUA
LCG	10,450	TĂNG	TĂNG	8,230	9,384	26.97%		9,200	7,868	13.59%
LDG	14,950	TĂNG	GIẢM	14,950	14,861	0.00%	MUA		16,835	
LHG	19,900	GIẢM	GIẢM		20,203				20,947	
LPB	9,100	TĂNG	GIẢM	9,100	8,687	0.00%			9,825	
LSS	6,040	GIẢM	GIẢM		6,394				7,260	
MBB	22,150	GIẢM	TĂNG		22,439			21,850	19,807	1.37%
MPC	46,000	GIẢM	TĂNG		48,541			47,500	39,995	-3.16%
MSN	89,500	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	8.75%		89,000	88,530	0.56% MUA
MSR	19,100	GIẢM	GIẢM		19,914				20,804	
MWG	89,000	GIẢM	GIẢM		90,314				92,376	
NDN	13,200	TĂNG	GIẢM	12,500	11,773	5.60%			13,356	
NKG	7,950	TĂNG	TĂNG	6,580	7,383	20.82%			7,821	
NLG	27,300	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	4.60%			28,488	
NT2	28,500	GIẢM	TĂNG		29,807			25,900	26,915	10.04%
NTL	18,000	GIẢM	TĂNG		19,358			10,450	16,285	72.25%
NVL	59,500	GIẢM	GIẢM		60,993				63,950	
OIL	14,900	GIẢM	GIẢM		15,202				16,188	
PAC	38,000	TĂNG	GIẢM	38,000	37,535	0.00%	MUA		40,378	
PC1	24,000	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195	
PDR	26,700	TĂNG	GIẢM	26,150	25,744	2.10%			27,684	
PHR	46,000	TĂNG	TĂNG	29,300	42,512	57.00%		24,000	34,587	91.67%
PLX	60,400	TĂNG	GIẢM	60,400	59,432	0.00%	MUA		60,986	
PNJ	100,900	GIẢM	GIẢM		101,001				101,983	
POW	16,450	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	-0.60%
PPC	22,900	TĂNG	TĂNG	18,550	22,899	23.45%		19,700	21,245	16.24%
PTB	63,900	TĂNG	TĂNG	60,200	60,097	6.15%		64,000	56,808	-0.16%
PVD	18,400	TĂNG	TĂNG	15,500	16,740	18.71%			17,923	
PVI	36,000	TĂNG	TĂNG	32,900	32,977	9.42%		33,000	30,368	9.09%

We Create Fortune

PVS	21,800	TĂNG	TĂNG	18,900	19,710	15.34%		21,100	20,919	3.32%	MUA
PXS	4,280	TĂNG	GIẢM	4,280	4,042	0.00%	MUA		4,874		
QNS	43,300	GIẢM	TĂNG		43,539			41,500	3,468	4.34%	
REE	33,100	GIẢM	TĂNG		34,350			35,100	30,633	-5.70%	
SAB	242,000	GIẢM	TĂNG		249,437			245,000	227,704	-1.22%	
SAM	7,300	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	2.96%		7,400	6,782	-1.35%	
SCR	7,750	TĂNG	GIẢM	7,750	7,687	0.00%	MUA		8,128		
SHI	8,360	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	22.04%		6,990	7,199	19.60%	
SJS	22,000	TĂNG	TĂNG	18,800	20,682	17.02%		18,100	18,742	21.55%	
SKG	15,400	TĂNG	GIẢM	15,400	15,371	0.00%	MUA		17,457		
SSI	28,900	TĂNG	GIẢM	26,900	27,661	7.43%			29,029		
STB	12,750	GIẢM	TĂNG		13,155			13,000	11,486	-1.92%	
TCB	27,000	GIẢM	GIẢM		27,680				N/A		
TCM	33,250	TĂNG	TĂNG	24,350	29,696	36.55%		28,000	24,233	18.75%	
TDH	11,900	TĂNG	TĂNG	10,300	10,679	15.53%		11,650	11,264	2.15%	MUA
TLH	5,570	TĂNG	GIẢM	5,000	4,863	11.40%			5,686		
TNG	21,100	TĂNG	TĂNG	18,000	18,376	17.22%		12,000	15,917	75.83%	
VCB	62,800	GIẢM	TĂNG		64,091			62,000	54,738	1.29%	
VCG	27,900	TĂNG	TĂNG	25,100	26,549	11.16%		19,200	21,527	45.31%	
VFG	37,500	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	9.03%	
VGC	22,100	TĂNG	TĂNG	16,300	20,356	35.58%		19,100	17,592	15.71%	
VGT	12,200	TĂNG	GIẢM	11,600	11,433	5.17%			13,091		
VHC	96,500	TĂNG	GIẢM	97,200	92,005	-0.72%			105,200		
VHM	93,200	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	77,013	16.50%	
VIB	19,000	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	5.56%			19,666		
VIC	117,400	TĂNG	TĂNG	109,100	112,845	7.61%		112,000	103,378	4.82%	
VIP	7,450	TĂNG	TĂNG	7,000	7,104	6.43%		7,350	6,632	1.36%	
VJC	120,900	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	17,800	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	5.95%			18,694		
VNG	22,000	TĂNG	TĂNG	18,301	21,399	20.21%		16,008	20,392	37.43%	
VNM	142,900	GIẢM	TĂNG		149,090			140,200	131,810	1.93%	
VPB	21,400	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	5.94%			22,887		
VPI	41,200	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	17,950	GIẢM	GIẢM		18,159				19,388		
VRE	34,350	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	12.99%		35,000	28,512	-1.86%	
VSC	43,800	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	2.58%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	993.99	1.47%
VN30	928.42	1.43%
VN Mid	1,029.47	1.07%
VN Small	812.58	1.17%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	108.53	1.18%
HN30	201.20	1.58%
VNX AllSh	902.18	1.41%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.04	0.65%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	642.86	
Bán	778.92	
GT rỗng	(136.06)	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	17.99	
Bán	20.09	
GT rỗng	-2.10	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.94	
Bán	12.81	
GT rỗng	12.13	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HSG	650	6.99%
D2D	5800	6.99%
HAG	390	6.90%
HVG	450	6.88%
AAA	1050	6.82%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NDN	1200	10.00%
VGS	1200	10.00%
PVX	100	6.67%
CEO	800	5.93%
DHT	1300	3.36%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGI	1900	9.00%
SDI	4900	8.77%
DVN	1300	8.13%
CTR	1500	7.61%
HVN	2800	6.98%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-17100	-6.98%
TCH	-1300	-5.39%
PPC	-1100	-4.58%
DHC	-1000	-2.84%
NT2	-700	-2.40%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCG	-300	-1.06%
VC3	-200	-0.89%
VCS	-300	-0.44%
SHB	0	0.00%
TVC	100	0.71%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MIG	-600	-4.35%
SWC	-400	-2.44%
NTC	-2600	-2.42%
VEA	-200	-0.40%
MSR	100	0.53%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	367,356	
VHM	304,806	
VNM	246,235	
VCB	230,692	
GAS	191,395	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,415	
VCG	12,456	
VCS	10,647	
PVS	10,085	
VGC	9,684	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	191,718	
VEA	66,637	
MCH	66,086	
HVN	56,942	
VGI	47,383	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HAG	14,132,770	6,892,123
FLC	10,345,340	9,098,434
HSG	9,697,150	6,173,561
ITA	8,828,260	3,169,737
CTG	6,800,970	6,689,629

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	7,061,322	6,071,704
PVS	5,172,547	4,477,254
NVB	4,950,000	903,208
VGC	4,073,657	5,527,072
CEO	3,475,727	963,842

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,224,778	1,684,936
HVN	2,159,834	1,009,460
VGT	1,235,868	1,028,653
LPB	940,893	927,306
VGI	643,318	426,771

Nguồn: Bloomberg & YSVN

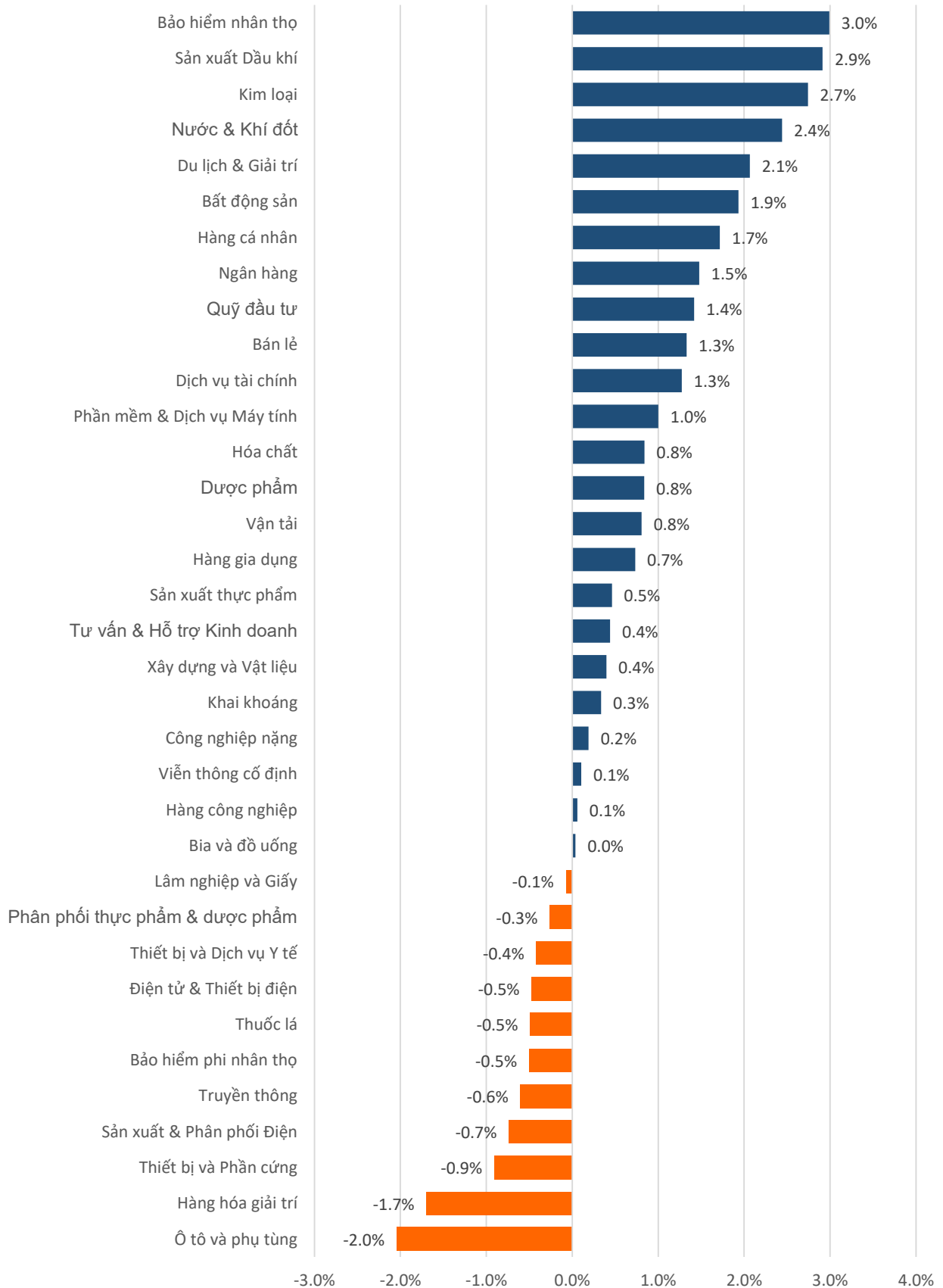
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



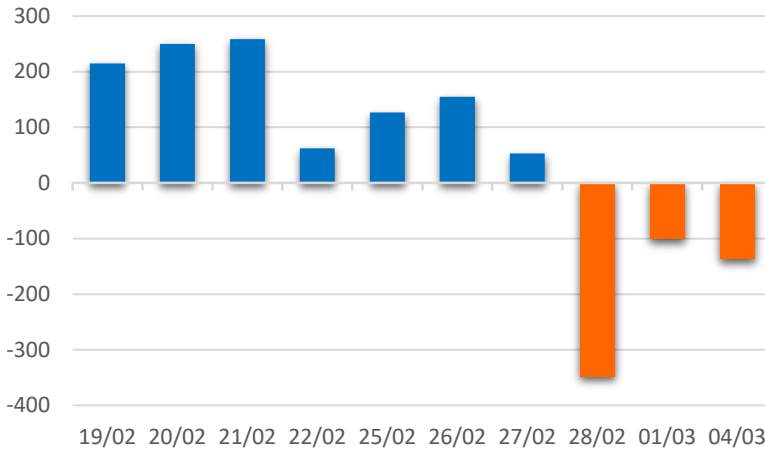
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

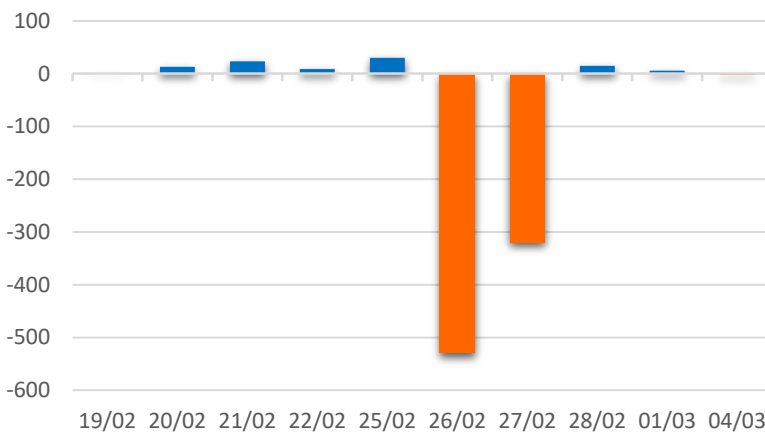
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BWE	48,780	VNM	65,504
HPG	23,995	VJC	42,099
SSI	20,162	MSN	28,064
VCB	19,433	VHM	20,907
E1VFN30	13,318	CTD	13,526

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

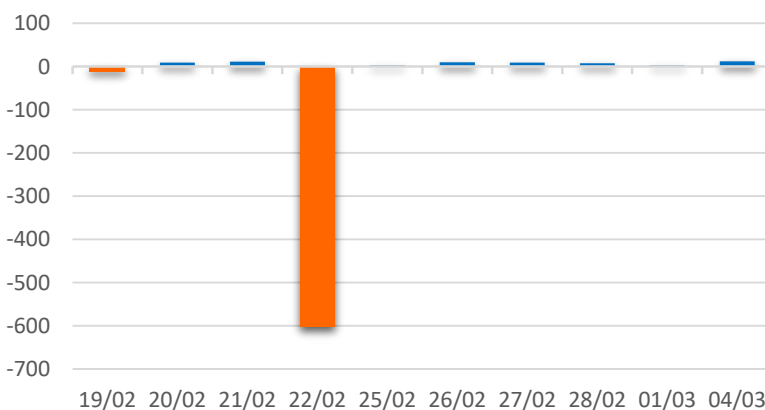
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	14,823	SDU	6,421
VGC	308	HUT	2,127
BTW	107	TNG	1,609
WCS	105	SHB	1,429
IDV	93	SHS	1,180

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HVN	6,023	BSR	2,807
QNS	5,651	ACV	1,519
VTP	4,585	VGI	374
BCM	441	NTC	212
VEA	256	SDI	116

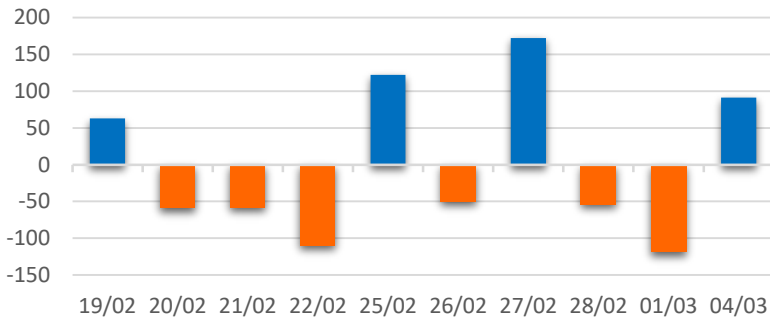
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

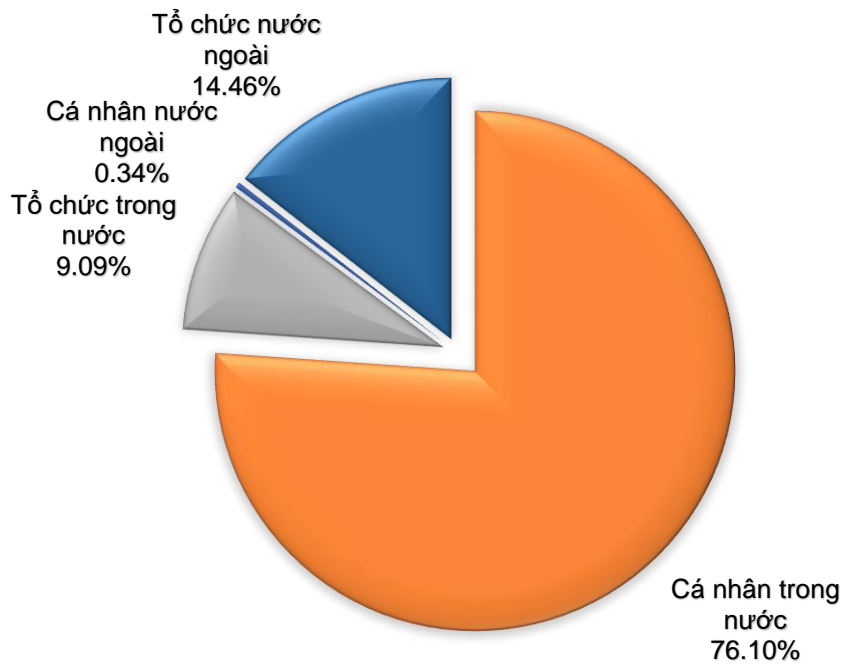
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VIC	25,261	VHM	100,056
VNM	22,213	E1VFN30	13,277
TCB	17,788	HPG	12,718
MSN	16,255	TCB	11,255
VHM	14,975	MBB	9,991

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

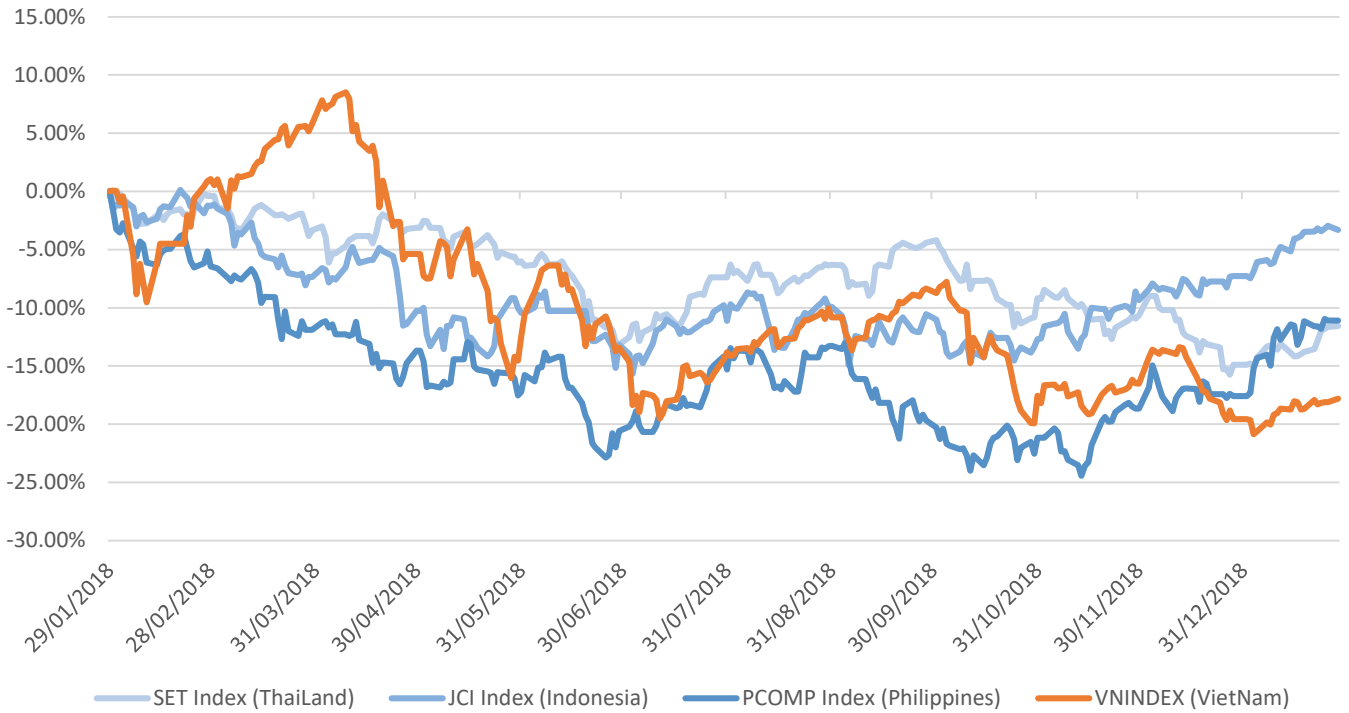


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

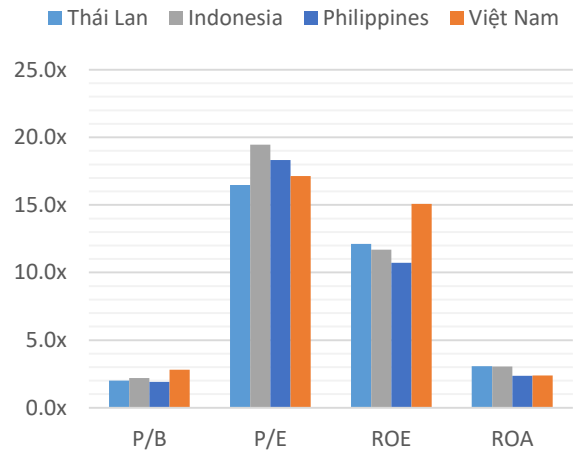
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written